

Xây dựng nội dung môn Bóng chuyền cho sinh viên không chuyên học môn Giáo dục thể chất tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

ThS. Trịnh Ngọc Trung; ThS. Văn Đình Huy ■

TÓM TẮT:

Nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng nội dung môn Bóng chuyền cho sinh viên (SV) không chuyên thể dục thể thao (TDTT) trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch (ĐH VH,TT&DL) Thanh Hóa, học môn Giáo dục thể chất (GDTC), với nội dung môn học hợp lý với đối tượng SV, cơ sở vật chất (CSVC) của nhà trường, bước đầu thu được kết quả tốt.

Từ khóa: lựa chọn, giáo dục thể chất, Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị định số 11/2015/NĐ-CP, ngày 31 tháng 01 năm 2015 quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015. Điều 3, chương trình môn học GDTC do giám đốc các đại học, học viện và hiệu trưởng các trường đại học chịu trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của trường, trong đó có chương trình môn học GDTC theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bóng chuyền là môn thể thao được nhiều SV yêu thích và đang phát triển rộng rãi ở khắp nơi, như cấp xã phường trường học các cấp... Nhưng trong những năm gần đây việc ứng dụng nội dung tập luyện vẫn còn nhiều bất cập như: nội dung tập luyện, giáo án, phương pháp và phương tiện tập luyện còn chưa hợp lý nên tác dụng nâng cao thể lực của SV còn hạn chế. Để đáp ứng nguyện vọng của SV nói chung, SV không chuyên học môn GDTC tại trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa nói riêng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu xây dựng nội dung bóng chuyền cho SV học môn GDTC nhằm nâng cao trình độ thể lực chung.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích và tổng hợp tài liệu, hội thảo, phỏng vấn, chuyên gia, điều tra xã hội học, thực nghiệm (TN) sư phạm, toán thống kê.

ABSTRACT:

Research, choosing and applying the volleyball content for non-professional students in Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism, studying Physical Education, with suitable objects, facilities of the school, initially obtained good results.

Keywords: choosing, physical education, Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Nghiên cứu lựa chọn nội dung giảng dạy nội dung bóng chuyền cho SV trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa

2.1.1. Nghiên cứu lựa chọn nội dung chi tiết nội dung bóng chuyền

Từ kết quả nghiên cứu lý thuyết, thông qua đọc và phân tích tài liệu tham khảo đề tài tiến hành phỏng vấn trực tiếp các giảng viên giảng dạy và các nhà quản lý về TDTT, về nội dung giảng dạy bóng chuyền. Nội dung phỏng vấn trực tiếp thông qua hỏi và trả lời rất phù hợp, phù hợp, không phù hợp đối với các kiến thức cần trang bị cho môn học mà đề tài đã thu thập được ở bước một. Kết quả phỏng vấn trực tiếp được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, ở tất cả các nội dung đưa ra lựa chọn khi được hỏi về việc xác định nội dung chi tiết ở tất cả các tiêu chí theo môn thể thao đã lựa chọn, đều có chung một quan điểm đồng nhất với các nghiên cứu lý luận đã thu thập được qua các tài liệu nghiên cứu. Kết quả phỏng vấn thấp nhất 91.7%, cao nhất 98.3% số ý kiến lựa chọn là đồng ý, vậy có nghĩa là nội dung chi tiết môn bóng chuyền mà đề tài lựa chọn phỏng vấn đều được các giáo viên và các nhà quản lý chuyên gia đánh giá cao và coi đây là nội dung chi tiết chuẩn mực cho môn học đã lựa chọn.

2.1.2. TN và đánh giá hiệu quả của nội dung bóng chuyền đã lựa chọn

Bảng 1. Lựa chọn nội dung giảng dạy bóng chuyên (n = 20)

TT	Kiến thức cần trang bị	Kết quả phỏng vấn							
		Rất phù hợp (3 điểm)		Phù hợp (2 điểm)		Không phù hợp (1 điểm)		Tổng	
		n	Điểm	n	Điểm	n	Điểm	Điểm	%
1	Lý thuyết								
2	Lịch sử phát triển	15	45	5	10	0	00	55	91.7
3	Nguyên lý kỹ thuật	19	57	1	2	0	00	59	98.3
4	Kỹ, chiến thuật thi đấu	18	54	2	4	0	00	58	96.7
5	Luật thi đấu	15	45	5	10	0	00	55	91.7
6	Thực hành kỹ thuật Bóng chuyên								
7	Tư thế cao	19	57	1	2	0	00	59	98.3
8	Tư thế trung bình	19	57	1	2	0	00	59	98.3
9	Tư thế thấp	19	57	1	2	0	00	59	98.3
10	Bước di chuyển sang trái	18	54	2	4	0	00	58	96.7
11	Bước di chuyển sang phải	17	51	3	6	0	00	57	95.0
12	Bước di chuyển lên trên	19	57	1	2	0	00	59	98.3
13	Bước di chuyển lùi sau	17	51	3	6	0	00	57	95.0
14	Phát bóng thấp tay	15	45	5	10	0	00	55	91.7
15	Phát bóng cao tay	17	51	3	6	0	00	57	95.0
16	Đệm bóng	19	57	1	2	0	00	59	98.3
17	Kỹ thuật chuyển bóng	19	57	1	2	0	00	59	98.3
18	Đập bóng trước mặt	17	51	3	6	0	00	57	95.0
19	Bài tập thể lực do giảng viên chọn cho SV	17	51	3	6	0	00	57	95.0

Nhóm thực nghiệm (NTN) được chọn ngẫu nhiên 25 SV (12 nam và 13 nữ), khóa K2 và K3 trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa.

Đánh giá kết quả TN về mặt thể lực chung, kết quả học tập, tinh thần tự giác của SV... Quá trình đánh giá kết quả chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh tự đối chiếu.

Kết quả được đánh giá trước và sau TN thông qua 6 test theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực của SV (theo quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Kết quả học tập thông qua điểm kết thúc cuối kỳ.

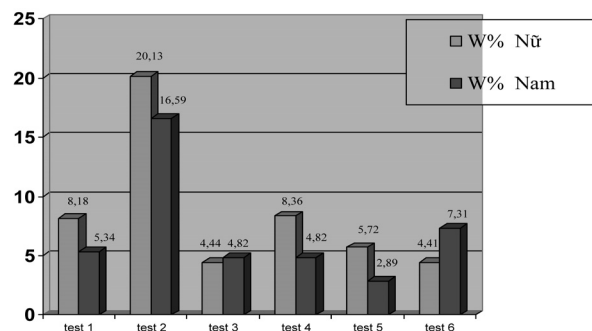
Nhóm TN nội dung kiểm tra bao gồm: kiến thức (kiến thức chung, kiến thức chuyên môn), kỹ năng thực hành. Kết quả kiểm tra lý thuyết và thực hành. Kết quả TN sơ phạm được trình bày cụ thể tại bảng 2, 3 biểu đồ 1.

2.1.3. Đánh giá về tố chất thể lực của SV

Sự phát triển tố chất thể lực qua các test đánh giá của nam và nữ SV ở lớp bóng chuyên, trước và sau TN thông qua so sánh tự đối chiếu tại các bảng 2 và bảng biểu đồ 1.

Sau khi kết thúc quá trình TN ở cả hai đối tượng nam và nữ SV, kết quả kiểm tra trình độ thể lực của 2 nhóm nam và nữ SV lớp bóng chuyên sau TN đều có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê cần thiết với $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $p < 0.05$. Điều đó có nghĩa trình độ thể lực sau TN tốt hơn hẳn so với trước TN. Chứng tỏ rằng nội dung học tập môn Bóng chuyên đã lựa chọn phát huy hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao thể lực cho đối tượng nghiên cứu.

Biểu đồ 1. Nhịp tăng trưởng SV sau TN môn Bóng chuyên



So sánh diễn biến nhịp tăng trưởng kết quả kiểm tra các test đánh giá thể lực giữa 2 nhóm đối tượng nghiên cứu cho thấy: nhịp tăng trưởng ở tất cả các nội dung kiểm tra sau TN của nam, nữ SV đều tăng cụ thể nam thấp nhất 2.89% cao nhất 16.59%. Nữ thấp nhất 4.41% cao nhất 20.13%. Như vậy sau 01 học kỳ TN nội dung môn bóng chuyên đã lựa chọn đã đem lại hiệu quả nhất định trong việc nâng cao tố chất thể lực cho đối tượng nghiên cứu.

2.1.3. Đánh giá về kết quả học tập của SV

Qua bảng 3 cho thấy kết quả học tập môn Bóng chuyên TN 25 SV 12 nam, 13 nữ (nội dung lý thuyết và thực hành) của SV cụ thể như sau:

Điểm xuất sắc phần điểm lý thuyết là 8% phần điểm thực hành là 12.%, điểm giỏi phần điểm lý thuyết 12% phần điểm thực hành 20%, điểm khá phần điểm lý thuyết 44% phần điểm thực hành 48%, điểm trung bình phần điểm lý thuyết 36% phần điểm thực hành 20%. điểm dưới trung bình là 0%.

Bảng 2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu thể lực của lớp bóng chuyền trước và sau TN (n = 25) năm học 2015 - 2016

TT	Test/ Đối tượng	Trước TN		Sau TN		Sự khác biệt thống kê		
		$\bar{X}_d$	$\pm\delta_d$	$\bar{X}_d$	$\pm\delta_d$	t _{tính}	P	W%
Nam		(n = 12)		(n = 12)				
1	Lực bóp tay thuận (KG)	42.27	2.32	44.59	2.74	2.238	< 0.05	5.34
2	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30 s)	16.58	2.98	19.58	3.12	2.409	< 0.05	16.59
3	Bật xa tại chỗ (cm)	215.53	10.65	226.18	11.62	2.341	< 0.05	4.82
4	Chạy 30m XPC (s)	5.99	0.96	4.97	0.82	2.794	< 0.05	18.59
5	Chạy con thoi 4 x 10m(s)	12.45	0.35	12.09	0.42	2.244	< 0.05	2.89
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	938.54	69.53	1009.80	71.26	2.479	< 0.05	7.31
Nữ		(n = 13)		(n = 13)				
1	Lực bóp tay thuận (KG)	25.83	2.38	28.21	2.54	2.465	< 0.05	8.81
2	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30 s)	15.46	3.46	18.92	3.58	2.507	< 0.05	20.13
3	Bật xa tại chỗ (cm)	162.15	7.37	169.52	8.23	2.405	< 0.05	4.44
4	Chạy 30m XPC (s)	6.20	0.49	5.71	0.56	2.412	< 0.05	8.36
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.12	0.96	12.39	0.85	2.053	< 0.05	5.72
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	856.83	38.67	895.50	40.51	2.489	< 0.05	4.41

Bảng 3. Kết quả học tập của SV sau TN môn Bóng chuyền

TT	Số sinh viên	Lý thuyết									
		Xuất sắc (10)		Giỏi (8-9)		Khá (7)		TB (5-6)		Dưới TB (1-4)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	25	2	8.00	3	12.00	11	44.00	9	36.00	0	%
Thực hành											
2	25	3	12.00	5	20.00	12	48.00	5	20.00	0	0%

Phân tích kết quả thống kê về kết quả học tập của SV phần lý thuyết số SV có phần trăm tỷ lệ điểm thấp hơn phần thực hành ở các loại điểm xuất sắc, giỏi, khá, riêng trung bình tỷ lệ điểm thực hành thấp hơn điểm lý thuyết, điểm dưới trung bình cả lý thuyết và thực hành đều không có. Qua đó chúng ta cũng thấy rằng SV học môn Bóng chuyền đã lựa chọn phần lý thuyết kém hơn phần thực hành. Nhưng khả năng tiếp thu nội dung môn Bóng chuyền đã lựa chọn TN là rất có ý nghĩa, có sự hấp dẫn đối với người dạy và người học, SV có hứng thú cao khi học nội dung mới đã lựa chọn và cụ thể là điểm số của các em đạt tỷ lệ cao và không có em nào điểm dưới trung bình.

3. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu nội dung môn Bóng chuyền cho SV trường ĐH VH,TT&D Thanh Hoá cho thấy:

- Qua nghiên cứu lựa chọn và đánh giá trước và sau

TN, đồng thời được thẩm định qua ý kiến lựa chọn của các nhà quản lý, giảng viên trực tiếp dạy và thông qua TN đã lựa chọn được nội dung môn Bóng chuyền.

- Nội dung môn học đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, tính hiệu quả, tính khả thi đáp ứng định hướng tính đổi mới xu thế đào tạo chuyên nghiệp ứng nhu cầu xã hội. Khối lượng kiến thức phù hợp với định hướng đào tạo, đảm bảo cho SV có thời gian để lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng, tuân thủ tính pháp lý về thời lượng được quy định tại chương trình khung của Bộ GD&ĐT.

- Thông qua TN đánh giá nội dung môn Bóng chuyền cho thấy, thể lực của SV khi TN NTN đã có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê cần thiết với $t_{tính} > t_{bảng}$ ở ngưỡng $p < 0.05$, sự tăng trưởng về kết quả học tập. Như vậy nội dung môn Bóng chuyền đã lựa chọn, đem lại hiệu quả cao cho môn học GDTC trong đào tạo SV trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb chính trị quốc gia, tr.34, 35,96,98, 207.
2. Ban chấp hành Trung ương khóa XI (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chuyển đổi ứng yêu cầu công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
3. Bộ Chính trị (2011), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”.

Trích nguồn: Luận án Tiến sĩ của nghiên cứu sinh Trịnh Ngọc Trung với tên đề tài “Nghiên cứu nội dung môn GDTC cho SV trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hoá”, 2018.

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24/3/2018; ngày phản biện đánh giá: 28/5/2018; ngày chấp nhận đăng: 14/6/2018)